

Tham khảo bài học trước đó:

- [Giải Toán lớp 5 trang 178, 179 Luyện tập chung](#)
- [Giải Toán lớp 5 trang 177, 178 Luyện tập chung](#)
- [Giải bài tập Toán lớp 5 trang 176: Bài Luyện tập chung](#)

## GIẢI TOÁN LỚP 5 LUYỆN TẬP CHUNG TRANG 179, 180

**Giải Toán lớp 5 trang 179 câu 1**

Một ô tô đi được 60km với vận tốc 60km/giờ, tiếp đó ô tô đi được 60km với vận tốc 30km/giờ. Như vậy, thời gian ô tô đã đi cả hai đoạn đường là:

- A. 1,5 giờ.
- B. 2 giờ.
- C. 3 giờ
- D. 4 giờ

**Phương pháp giải:**

- Tính thời gian đi ở đoạn đường thứ nhất ta lấy quãng đường thứ nhất chia cho vận tốc đi ở quãng đường đó.
- Tính thời gian đi ở đoạn đường thứ hai ta lấy quãng đường thứ hai chia cho vận tốc đi ở quãng đường đó.
- Tính tổng thời gian đi cả hai đoạn đường.

**Lời giải**

Đoạn đường thứ nhất ô tô đi hết số thời gian là:

$$60 : 60 = 1 \text{ (giờ)}$$

Đoạn đường thứ hai ô tô đi hết số thời gian là:

$$60 : 30 = 2 \text{ (giờ)}$$

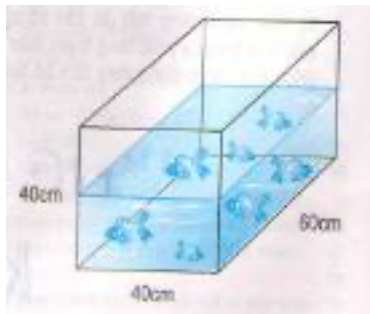
Thời gian ô tô đã đi cả hai đoạn đường là:

$$1 + 2 = 3 \text{ (giờ)}$$

Chọn đáp án C

**Giải Toán lớp 5 trang 179 câu 2**

Một bể cá dạng hình hộp chữ nhật có các kích thước ghi trên hình vẽ. Cần đổ vào bể bao nhiêu lít nước để nửa bể có nước?



A. 48l

B. 70l

C. 96l

D. 140l

**Phương pháp giải**

- Tính thể tích bể cá = chiều dài × chiều rộng × chiều cao.

- Đổi số đo vừa tìm được sang đơn vị đề-xi-mét khối, sau đó đổi sang đơn vị lít. Lưu ý rằng ta có:  $1000\text{cm}^3 = 1\text{dm}^3 = 1 \text{ lít}$ .

- Tính thể tích nước cần đổ vào bể ta lấy thể tích bể nước chia cho 2.

**Lời giải**

Thể tích bể cá là:

$$60 \times 40 \times 40 = 96000 \text{ (cm}^3\text{)}$$

$$96000\text{cm}^3 = 96\text{dm}^3 = 96 \text{ lít}$$

Thể tích của nửa bể cá là

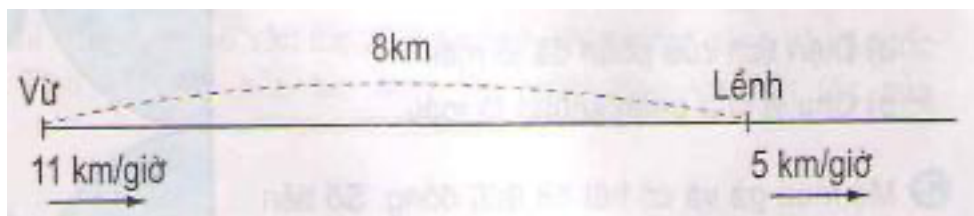
$$96 : 2 = 48 \text{ (lít).}$$

Vậy cần đổ vào bể 48 lít nước.

**Chọn đáp án A**

**Giải Toán lớp 5 trang 179 câu 3**

Cùng một lúc, Vừ đi ngựa với vận tốc 11 km/giờ, Lệnh đi bộ với vận tốc 5km/giờ và đi cùng chiều với Vừ. Biết rằng khi bắt đầu đi Lệnh cách Vừ một quãng đường 8km (xem hình vẽ). Hỏi sau bao nhiêu phút Vừ đuổi kịp Lệnh?



A. 45 phút

B. 80 phút

C. 60 phút

D. 96 phút

**Phương pháp giải**

- Tính số ki-lô-mét mà mỗi giờ Vừ tiến gần Lệnh.

- Tính thời gian để Vừ đuổi kịp Lệnh ta lấy khoảng cách ban đầu giữa Vừ và Lệnh chia cho số ki-lô-mét mà mỗi giờ Vừ tiến gần Lệnh.

**Lời giải**

(Vì cứ mỗi giờ Vừ tiến gần Lệnh được  $11 - 5 = 6$  (km);

Thời gian đi để Vừ đuổi kịp Lệnh là:

$$8 : 6 = 8/6 = 4/3 \text{ (giờ)}$$

$$4/3 \text{ giờ} = 80 \text{ phút}$$

**Chọn đáp án B.**

**Giải Toán lớp 5 trang 180 câu 1**

**Câu 1:** Tuổi của con gái bằng  $\frac{1}{4}$  tuổi mẹ, tuổi của con trai bằng  $\frac{1}{5}$  tuổi mẹ. Tuổi của con gái cộng với tuổi của con trai là 18 tuổi. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi?

**Phương pháp giải:**

Tuổi của con gái bằng  $\frac{1}{4}$  tuổi mẹ, tuổi của con trai bằng  $\frac{1}{5}$  tuổi mẹ. Tuổi của con gái cộng với tuổi của con trai là 18 tuổi. Hỏi mẹ bao nhiêu tuổi?

- Tìm phân số chỉ tổng số tuổi của con gái và con trai so với tuổi của mẹ:

$$\frac{1}{4} + \frac{1}{5} = \frac{9}{20} \text{ (tuổi của mẹ)}$$

- Như vậy ta có  $\frac{9}{20}$  số tuổi của mẹ là 18 tuổi. Ta tìm số tuổi của mẹ bằng cách lấy 18 chia cho 9 rồi nhân với 20.

**Đáp án**

Tổng số tuổi của con gái và con trai chiếm số phần tuổi mẹ là:

$$\frac{1}{4} + \frac{1}{5} = \frac{9}{20} \text{ (tuổi của mẹ)}$$

Như vậy ta có  $\frac{9}{20}$  số tuổi của mẹ là 18 tuổi.

Vậy tuổi của mẹ là:

$$18 : 9 \times 20 = 40 \text{ (tuổi)}$$

**Đáp số: 40 tuổi.**

**Giải Toán lớp 5 trang 180 câu 2**

Trong cùng một năm, mật độ dân số ở Hà Nội là 2617 người/km<sup>2</sup> (nghĩa là cứ mỗi ki-lô-mét vuông có trung bình 2627 người), mật độ dân số ở Sơn La là 61 người/km<sup>2</sup>.

a) Cho biết diện tích của Thủ đô Hà Nội là 921km<sup>2</sup>, diện tích tỉnh Sơn La là 14 210km<sup>2</sup>. Hỏi số dân của tỉnh Sơn La bằng bao nhiêu phần trăm số dân của Hà Nội?

b) Nếu muốn tăng mật độ dân số của Sơn La lên 100 người/km<sup>2</sup> thì số dân của tỉnh Sơn La phải tăng thêm bao nhiêu người?

(Học sinh được sử dụng máy tính bỏ túi khi giải bài tập này)

**Phương pháp giải**

a) - Tính số dân của mỗi địa phương ta lấy mật độ dân số nhân với diện tích của địa phương đó.

- Muốn tìm tỉ số phần trăm của số dân tỉnh Sơn La và số dân của Hà Nội ta tìm thương của của số dân tỉnh Sơn La và số dân của Hà Nội, sau đó nhân thương đó với 100 và viết thêm kí hiệu % vào bên phải tích tìm được.

b) - Tính số dân tăng thêm trên một ki-lô-mét vuông.

- Tính số dân phải tăng thêm ta lấy số dân tăng thêm trên một ki-lô-mét vuông nhân với diện tích của tỉnh Sơn La.

### **Lời giải**

a) Số dân ở Hà Nội năm đó là:

$$2627 \times 921 = 2419467 \text{ (người)}$$

Số dân ở Sơn La năm đó là:

$$61 \times 14210 = 866810 \text{ (người)}$$

Tỉ số phần trăm của số dân ở Sơn La và số dân ở Hà Nội là:

$$866810 : 2419467 = 0,3582\dots$$

$$0,3582\dots = 35,82\%$$

b) Nếu mật độ dân số của Sơn La là 100 người/km<sup>2</sup> thì trung bình mỗi ki-lô-mét vuông sẽ có thêm:  $100 - 61 = 39$  (người)

Khi đó số dân ở Sơn La tăng thêm là:

$$39 \times 14210 = 554190 \text{ (người)}$$

### **Đáp số:**

a) 35,82%

b) 554190 người.